

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định Quy trình Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành
đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định Quy trình Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định quy trình thẩm tra quyết toán đối với các dự án, hạng mục hoàn thành (hoặc bị dừng vĩnh viễn) sử dụng nguồn vốn đầu tư

từ Dự toán Ngân sách nhà nước; khuyến khích áp dụng Quy trình này để thẩm tra quyết toán đối với dự án sử dụng các nguồn vốn khác.

2. Quy trình thực hiện công tác thẩm tra quyết toán gồm các bước:

- a) Tiếp nhận hồ sơ trình duyệt quyết toán;
- b) Thẩm tra quyết toán;
- c) Trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ quyết toán, thẩm tra quyết toán, trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước;

2. Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc tuân thủ quy trình: Tiếp nhận hồ sơ - Thẩm tra quyết toán - Trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Yêu cầu đối với công tác thẩm tra quyết toán

1. Công tác thẩm tra quyết toán phải tuân thủ các cơ chế chính sách của Nhà nước phù hợp với từng thời kỳ thực hiện dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra được đề nghị các cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành xem xét, giải quyết những kiến nghị, vướng mắc liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán phải bảo đảm tính đúng đắn, trung thực, khách quan.

3. Thời gian thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Cơ quan thẩm tra quyết toán, cán bộ trực tiếp thẩm tra quyết toán chịu trách nhiệm tuân thủ trình tự, nội dung các bước thẩm tra theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm về nội dung của Báo cáo kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp và Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán Nhà nước (nếu có). Cơ quan thẩm tra quyết toán, cán bộ trực tiếp thẩm tra quyết toán không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; không chịu trách nhiệm về đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đơn giá trúng thầu đã được

người quyết định trúng thầu quyết định, chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

2. Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về nội dung và tính đúng đắn của số liệu trong Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán (nếu có) chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chương I

TRÌNH TỰ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN

Điều 5. Kiểm tra hồ sơ

1. Khi tiếp nhận hồ sơ báo cáo quyết toán do chủ đầu tư trình duyệt, cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra danh mục hồ sơ, tài liệu do chủ đầu tư trình đối chiếu với phiếu giao nhận hồ sơ theo Mẫu số 01/GHSQT ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Kiểm tra nội dung các biểu mẫu báo cáo quyết toán do chủ đầu tư lập, đối chiếu với biểu mẫu quy định trong Thông tư của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Qua đó xác định rõ hồ sơ, tài liệu còn thiếu; những tài liệu mà chủ đầu tư cần hoàn thiện, bổ sung.

Điều 6. Xử lý các trường hợp

1. Trường hợp hồ sơ đảm bảo yêu cầu, đầy đủ danh mục hồ sơ theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ lập phiếu giao nhận hồ sơ theo Mẫu số 01/GHSQT ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Trường hợp hồ sơ đảm bảo yêu cầu, nhưng cần bổ sung cho đủ hồ sơ theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ ghi rõ vào mục II và III trong phiếu giao nhận hồ sơ. Quá thời gian ghi tại mục III, cán bộ tiếp nhận báo cáo người có thẩm quyền để có văn bản yêu cầu hoàn thiện bổ sung hoặc trả lại hồ sơ cho chủ đầu tư;

3. Trường hợp chủ đầu tư không trực tiếp giao hồ sơ quyết toán phải có văn bản ủy quyền; đồng thời, chủ đầu tư lập phiếu giao nhận hồ sơ theo Mẫu số 01/GHSQT ban hành kèm theo Thông tư này gửi kèm theo; cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán theo các nội dung trên và xử lý bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm bổ sung hồ sơ

Sau 30 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được thông báo bổ sung hoặc trả lại hồ sơ của cơ quan thẩm tra mà chủ đầu tư không nộp đủ hồ sơ (đã hoàn chỉnh) hoặc không có văn bản giải trình thì chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc chậm thời gian nộp báo cáo quyết toán. Ngày chủ đầu tư nhận được thông báo là ngày hai bên trực tiếp giao nhận hồ sơ đối với trường hợp giao nhận trực tiếp, ngày trên dấu công văn đến hoặc ngày trên dấu bưu điện nơi nhận đối với trường hợp giao nhận gián tiếp.

Chương II

TRÌNH TỰ THẨM TRA QUYẾT TOÁN

Mục 1

TRÌNH TỰ THẨM TRA QUYẾT TOÁN ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Điều 8. Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán

Cán bộ thẩm tra xem xét tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.

Điều 9. Kiểm tra nội dung Báo cáo kết quả kiểm toán

1. Cán bộ thẩm tra đối chiếu nội dung Báo cáo kết quả kiểm toán của dự án với nội dung Kiểm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành quy định tại Chuẩn mực Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành số 1000 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Trường hợp không đảm bảo yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm tra thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.

2. Cán bộ thẩm tra không tính lại khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán đã được kiểm toán viên xác nhận trong báo cáo kiểm toán; không tính lại đơn giá đã được người quyết định trúng thầu quyết định, chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

Điều 10. Kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật

Cán bộ thẩm tra kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án trong danh mục các văn bản sử dụng của báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành.

Điều 11. Xem xét kiến nghị của chủ đầu tư với báo cáo kiểm toán

Cán bộ thẩm tra xem xét những ý kiến mà chủ đầu tư không thống nhất với báo cáo kiểm toán của nhà thầu kiểm toán.

Điều 12. Kiểm tra việc chấp hành kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có)

Cán bộ thẩm tra kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có). Trường hợp cần thiết, có văn bản xin ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền quyết định.

Điều 13. Nhận xét, kiến nghị

1. Cán bộ thẩm tra có ý kiến nhận xét, đánh giá trong từng bước thẩm tra quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11 và 12 Thông tư này trong báo cáo kết quả thẩm tra.

2. Cán bộ thẩm tra nêu kiến nghị về giá trị đề nghị phê duyệt, biện pháp giải quyết các tồn tại của dự án sau khi quyết toán.

3. Cán bộ thẩm tra nêu kiến nghị với các cơ quan liên quan về quá trình quản lý đầu tư, thực hiện dự án.

Mục 2

TRÌNH TỰ THẨM TRA QUYẾT TOÁN ĐỐI VỚI DỰ ÁN KHÔNG THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Điều 14. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án

Cán bộ thẩm tra căn cứ báo cáo theo Mẫu số 02/QTDA trong Báo cáo quyết toán và tập các văn bản pháp lý liên quan của dự án, đối chiếu danh

mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý với các quy định của pháp luật để có nhận xét về:

1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản;
2. Việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;
3. Việc chấp hành trình tự lựa chọn thầu của các gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
4. Việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu tư vấn, xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu; hình thức giá hợp đồng phải tuân thủ đúng quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền và là cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng.

Điều 15. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án

Căn cứ các biểu báo cáo số 01/QTDA, 03/QTDA, 08/QTDA trong Báo cáo quyết toán; cán bộ thẩm tra thực hiện các bước sau:

1. Phân tích, so sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư được duyệt (biểu báo cáo số 01/QTDA).
2. Kiểm tra số liệu báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm so với kế hoạch được duyệt (biểu báo cáo số 03/QTDA).
3. Đối chiếu số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán (biểu báo cáo số 08/QTDA);
4. Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép so với chế độ và thẩm quyền quy định.
5. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc cấp vốn, thanh toán; việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư của dự án.

Điều 16. Thẩm tra chi phí đầu tư của dự án

Căn cứ tổng mức đầu tư được duyệt và biểu báo cáo số 04/QTDA- Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán theo công trình, hạng mục hoàn thành, cán bộ thẩm tra thực hiện thẩm tra lần lượt theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư: (1) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; (2) Chi phí xây dựng; (3) Chi phí thiết bị; (4) Chi phí quản lý dự án; (5) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; (6) Chi phí khác.

1. Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí trả cho phân hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư:

a) Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư do chủ đầu tư thực hiện: Đối chiếu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; dự toán chi phí tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán.

b) Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư do Hội đồng đền bù thực hiện và chi phí trả cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư (nếu có) để xác định giá trị quyết toán.

c) Trường hợp dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư là dự án độc lập được lập báo cáo quyết toán và thẩm tra quyết toán như một dự án đầu tư độc lập.

d) Trường hợp giải phóng mặt bằng, tái định cư là hạng mục tách ra từ một dự án đầu tư, thành lập Ban quản lý dự án phần giải phóng mặt bằng riêng biệt với Ban quản lý dự án phần xây dựng: Ban quản lý dự án phần giải phóng mặt bằng, tái định cư chịu trách nhiệm quyết toán phần giải phóng mặt bằng, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi báo cáo quyết toán đã được phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để lập báo cáo quyết toán chung trong toàn bộ dự án. Khi thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án, không phải thẩm tra lại phần chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Trường hợp các công trình hạ tầng kỹ thuật đã có quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, văn bản yêu cầu chi trả của chủ đầu tư các công trình kỹ thuật và chứng từ trả tiền để xác định chi phí trả cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.

g) Trường hợp cần thiết phải thẩm tra đề trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán các công trình hạ tầng kỹ thuật thì việc thẩm tra tương tự như thẩm tra chi phí xây dựng.

2. Thẩm tra chi phí xây dựng:

2.1. Một số nội dung cần lưu ý

a) Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng xây dựng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, lưu ý đến hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng làm cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng.

b) Trường hợp chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được lập thiết kế,

dự toán riêng cho hạng mục, tiến hành thẩm tra như thẩm tra gói thầu xây dựng độc lập.

c) Trường hợp chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được tính theo tỷ lệ (%) trong gói thầu xây dựng chính (không lập thiết kế, dự toán riêng); tiến hành thẩm tra việc áp dụng tỷ lệ (%) trên cơ sở kết quả thẩm tra gói thầu xây dựng chính.

2.2. Thẩm tra đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

a) Đối chiếu các nội dung, khối lượng trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

b) Đối chiếu sự phù hợp giữa đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với đơn giá trong dự toán được duyệt.

c) Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định ở bước (a) nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra ở bước (b).

2.3. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng trọn gói" (không phân biệt hình thức lựa chọn thầu):

a) Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

b) Đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá ghi trong bản tính giá trị hợp đồng; Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

2.4. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng theo đơn giá cố định" (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

a) Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

b) Đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng;

c) Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

2.5. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh" (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

a) Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

b) Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

c) Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

d) Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng, các cơ chế chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng (đã ghi trong hợp đồng) để xác định giá trị được điều chỉnh. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.

2.6. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng kết hợp" (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng kết hợp" phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm (2.3), (2.4) và (2.5) thuộc khoản 2 Điều này.

2.7. Thẩm tra các trường hợp phát sinh:

a) Trường hợp có hạng mục hoặc nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện thì giảm trừ giá trị tương ứng của hạng mục hoặc nội dung đó theo hợp đồng.

b) Trường hợp có khối lượng không thực hiện hoặc khối lượng được nghiệm thu thấp hơn ở bản tính giá hợp đồng thì giảm trừ phần khối lượng không thực hiện (hoặc thấp hơn) nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

c) Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

d) Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá điều chỉnh do chủ đầu tư phê duyệt theo nguyên tắc điều chỉnh đơn giá khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

e) Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo phụ lục hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

3. Thẩm tra chi phí thiết bị:

Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, lưu ý đến hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng của các gói thầu cung cấp và lắp đặt thiết bị làm cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng.

3.1. Thẩm tra đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

a) Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị đề nghị quyết toán so với biên bản nghiệm thu và dự toán chi phí thiết bị được phê duyệt để xác định giá trị quyết toán phần mua sắm thiết bị;

b) Thẩm tra chi phí gia công, lắp đặt thiết bị đối với thiết bị cần gia công, cần lắp đặt theo dự toán được duyệt và được nghiệm thu đúng quy định. Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra.

c) Thẩm tra các khoản chi phí liên quan: chi phí vận chuyển thiết bị từ nơi mua về đến chân công trình; chi phí lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị, chi phí khác.

3.2. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng trọn gói" (không phân biệt hình thức lựa chọn thầu):

Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu, danh mục, chủng loại, cấu hình, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá của thiết bị ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các biên bản nghiệm thu

khối lượng hoàn thành của hợp đồng. Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng thực hiện và quy định của hợp đồng thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

3.3. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng theo đơn giá cố định" (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

a) Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu, danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

b) Đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bản tính giá hợp đồng;

c) Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

3.4. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh" (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

a) Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

b) Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

c) Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

d) Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng và các cơ chế chính sách được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị được điều chỉnh.

3.5. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "giá hợp đồng kết hợp" (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu) cần xác định rõ phạm vi hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm (3.2), (3.3) và (3.4) thuộc khoản 3 Điều này.

3.6. Thẩm tra các trường hợp phát sinh:

a) Trường hợp có nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện, danh mục thiết bị không thực hiện hoặc số lượng được nghiệm thu thấp hơn ở bản tính giá hợp đồng thì giảm trừ phần số lượng không thực hiện (hoặc thấp hơn) nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

b) Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, số lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% số lượng thiết bị tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần số lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

c) Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, số lượng thiết bị phát sinh lớn hơn 20% số lượng thiết bị tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần số lượng thiết bị phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá điều chỉnh do chủ đầu tư phê duyệt theo nguyên tắc điều chỉnh đơn giá thiết bị phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

d) Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

4. Thẩm tra chi phí quản lý dự án

a) Căn cứ Bảng tính kinh phí quản lý dự án (theo Mẫu số 01 (i)/DT-QLDA, Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có), đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán với định mức trích theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và dự toán chi phí quản lý dự án được duyệt; qua đó xác định giá trị quyết toán của chi phí quản lý dự án và những khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, ban quản lý dự án tự thực hiện.

b) Trường hợp dự án do chủ đầu tư, ban quản lý dự án quản lý 01 dự án cần xem xét các chứng từ chi tiêu đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ theo quy định đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Thẩm tra chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình và các chi phí khác:

a) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo định mức tỷ lệ %: kiểm tra các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ % để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc;

b) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo dự toán chi tiết được duyệt: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt, đánh giá mức độ hợp lý của các khoản chi phí.

c) Đối với các khoản chi phí tư vấn hình thức hợp đồng theo thời gian: đối chiếu đơn giá thù lao theo thời gian do chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) để xác định mức thù lao phải trả cho nhà thầu. Các khoản chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, chi khác căn cứ quy định về phương thức thanh toán ghi trong hợp đồng để thẩm tra (theo chứng từ hoá đơn hợp lệ hoặc theo đơn giá khoán đã thoả thuận trong hợp đồng).

Điều 17. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản (nếu có)

1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung như:

a) Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại;

b) Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.

2. Thẩm tra chi phí thiệt hại được cấp có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ, cho phép không tính vào giá trị tài sản: Cần đối chiếu giữa biên bản xác định khối lượng huỷ bỏ thực tế với quyết định cho phép huỷ bỏ của cấp có thẩm quyền.

Điều 18. Thẩm tra xác định giá trị tài sản

1. Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư của dự án, xác định giá trị tài sản công trình hình thành sau đầu tư.

2. Tính phân bổ chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác cho các hạng mục công trình theo nguyên tắc:

a) Loại chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn liên quan trực tiếp đến hạng mục công trình nào thì phân bổ toàn bộ cho hạng mục công trình đó.

b) Loại chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác phân bổ theo tỷ lệ vốn của từng đối tượng, từng hạng mục trên tổng số vốn của các đối tượng, các hạng mục; ví dụ như: Chi phí chạy thử có tải và không tải sau khi đã trừ các khoản thu được do chạy thử thì phân bổ cho máy móc thiết bị cần lắp theo tỷ lệ vốn lắp đặt, vốn thiết bị cần lắp của từng đối tượng, từng hạng mục trên tổng số vốn lắp đặt, vốn thiết bị cần lắp của các đối tượng, các hạng mục.

c) Loại chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến toàn bộ dự án thì được phân bổ cho tất cả các đối tượng là tài sản cố định theo tỷ lệ phân bổ: Tổng chi phí khác cần phân bổ / Tổng chi phí xây dựng, lắp đặt, thiết bị của dự án, hạng mục công trình.

3. Thẩm tra việc quy đổi vốn đầu tư hàng năm về mặt bằng giá tại thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình cho đơn vị sử dụng (nếu có).

4. Xác định chi phí đầu tư hình thành tài sản, bao gồm:

a) Chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định,

b) Chi phí đầu tư hình thành tài sản lưu động.

5. Xác định giá trị, danh mục tài sản bàn giao cho các đối tượng quản lý đơn vị quản lý, sử dụng.

Điều 19. Thẩm tra xác định công nợ, vật tư thiết bị tồn đọng

1. Thẩm tra xác định công nợ

a) Căn cứ số liệu các khoản mục chi phí đã được xác định sau khi thẩm tra quyết toán, số vốn đã thanh toán và báo cáo tình hình công nợ của chủ đầu tư, Cán bộ thẩm tra cần xác định rõ từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo đúng đối tượng kể cả chủ đầu tư và các đơn vị, cá nhân có liên quan;

b) Xem xét, kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản thu chưa nộp ngân sách, số dư tiền gửi, tiền mặt và kiến nghị các biện pháp xử lý.

2. Kiểm tra, xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng

a) Kiểm tra giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế;

b) Các loại vật tư thiết bị được tính toán, đánh giá đúng số lượng, đúng giá trị thể hiện trên báo cáo quyết toán;

c) Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng.

Điều 20. Kiểm tra việc chấp hành kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có)

1. Đối với dự án đã được các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và có kết luận; cán bộ thẩm tra quyết toán kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với các kết luận nêu trên;

2. Xem xét các kiến nghị của chủ đầu tư, ban quản lý dự án về các vấn đề được các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước kết luận;

3. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề tồn tại.

Điều 21. Nhận xét, kiến nghị:

1. Cán bộ thẩm tra nêu ý kiến nhận xét, đánh giá trong từng bước thẩm tra quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 20 Thông tư này trong báo cáo kết quả thẩm tra.

2. Cán bộ thẩm tra nêu kiến nghị về giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán, biện pháp giải quyết các tồn tại của dự án sau khi quyết toán.

3. Cán bộ thẩm tra nêu kiến nghị với các cơ quan liên quan về quá trình quản lý đầu tư, thực hiện dự án.

4. Cán bộ thẩm tra đề xuất, trình cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết các kiến nghị của chủ đầu tư trong việc áp dụng chính sách, chế độ quản lý xây dựng; về nguồn vốn đầu tư của dự án về tài sản bàn giao cho các đơn vị quản lý sử dụng.

Điều 22. Kiểm tra hiện trường

Trường hợp cần thiết, thủ trưởng cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán quyết định việc kiểm tra thực tế tại Ban quản lý dự án và hiện trường xây dựng công trình trong quá trình thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Chương III

TRÌNH TỰ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Điều 23. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán

1. Sau khi thẩm tra quyết toán, cơ quan thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm có: Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán, dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và các tài liệu do chủ đầu tư trình (kèm theo).

2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán gồm các nội dung chính:

a) Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án;

b) Tóm tắt kết quả các nội dung theo đúng trình tự thẩm tra trên đây.

c) Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán;

d) Kiến nghị giải quyết các tồn tại về nguồn vốn đầu tư, tài sản và công nợ sau khi quyết toán dự án.

3. Trường hợp thành lập Tổ công tác thẩm tra quyết toán, báo cáo kết quả thẩm tra phải được toàn thể các thành viên tổ công tác nhất trí ký tên, thông qua báo cáo và chịu trách nhiệm về kết quả do mình thực hiện.

4. Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo mẫu quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

5. Các tài liệu do chủ đầu tư trình (kèm theo):

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư;

b) Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của dự án;

c) Báo cáo kiểm toán (nếu có);

d) Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước đối với dự án (nếu có) kèm theo văn bản báo cáo tình hình chấp hành của chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với các kết luận trên.

Phần III

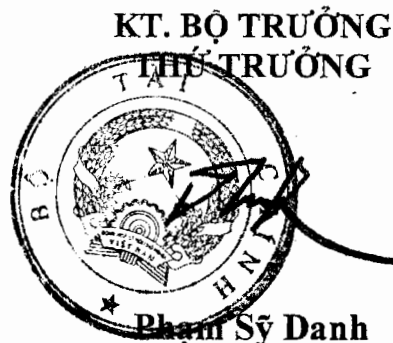
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 56/2008/QĐ-BTC ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết. /

Nơi nhận :

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Lưu : VT, Vụ ĐT(320).



ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

PHIẾU GIAO NHẬN
Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành

Chủ đầu tư/BQLDA :
 Tên dự án :
 Mã dự án :
 Công trình (HMHT) :
 Tổng vốn đầu tư :
 Thời gian khởi công Thời gian hoàn thành
 Cấp quyết định đầu tư:
 Ngày lập báo cáo quyết toán:
 Ngày nộp hồ sơ :.....thángnăm.....

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
	I - Hồ sơ đã nộp:		
1	Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư ngày.....tháng.....năm		
2	Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành gồm ... biểu báo cáo theo quy định.		
3	Các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyển)		
4	- Tập các hợp đồng: (ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyển) - Biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có, ghi rõ của hợp đồng nào).		
5	Tập các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị; Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án, công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.		
6	Quyết toán khối lượng A-B, gồm có: - ...		
7	- Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án - Văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán.		

8	- Kết luận thanh tra, Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán (<i>Trường hợp không xảy ra đề nghị ghi rõ trong tờ trình</i>). - Báo cáo tình hình chấp hành kết luận.		
	II - Hồ sơ còn thiếu:		
1			
...			
	III - Hồ sơ cần bổ sung:		
1			
...			
Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nộp trước ngày ... tháng ... năm.....			
<i>Trong quá trình thẩm tra quyết toán, nếu thiếu hồ sơ, cơ quan thẩm tra sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Thời gian quyết toán sẽ tính lại từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.</i>			

Hai bên thống nhất lập phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung trên đây./.

BÊN GIAO HỒ SƠ
(ký, ghi đầy đủ họ tên)

BÊN NHẬN HỒ SƠ
(ký, ghi đầy đủ họ tên)